

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 – CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2026/HNGĐ-ST

Ngày 31 - 7 - 2026

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lữ Văn Đức

2. Bà Nguyễn Thị Huế

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Nhung – Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 5 - Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Cao Bằng tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 129/2026/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2026 về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/6/2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2026/QĐST-HNGĐ ngày 14/7/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hứa Thị H, sinh ngày 03/6/1997; Nơi cư trú: xóm N, xã L, tỉnh Cao Bằng; Vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Phùng Văn D, sinh ngày 08/01/2000; Nơi cư trú: xóm N, xã L, tỉnh Cao Bằng; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/5/2026, bản tự khai ngày 08/6/2026, quá tình tố tụng tại Tòa án, đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn Hứa Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ngày 04/11/2020, chị và anh Phùng Văn D tự nguyện cùng nhau đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Cao Bằng nay là Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh Cao Bằng. Thời gian đầu chị và anh D chung sống hạnh phúc, nhưng từ năm 2021 anh chị phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh D có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, hai bên không còn tình cảm yêu thương, tôn trọng chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị và anh D đã sống ly thân tính đến nay được khoảng 6 năm. Nay xác định không

còn tình cảm vợ chồng với anh D, chị đề nghị Toà án cho chị được ly hôn với anh Phùng Văn D. Chị không đồng ý trả lại tiền sính lễ gà, gạo, thịt, tiền mặt, vàng với tổng số tiền 84.500.000, gồm, chị đồng ý trả cho anh D 01 chỉ vàng, hiện nay có trị giá 14.500.000 đồng, tại đơn xin xét xử vắng mặt, chị H thay đổi ý kiến, không đồng ý trả lại tiền sính lễ cho anh D.

Về con chung: Chị và anh D có 01 con chung là: Phùng KHánh Du, sinh ngày 14/11/2019. Hiện nay con đang sống với anh D và bố mẹ đẻ của anh D. Ly hôn, anh D sẽ là người trực tiếp nuôi con, chị sẽ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng, thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 6/2026 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

* Bị đơn Phùng Văn D tại bản tự khai, quá trình tố tụng tại Toà án trình bày.

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Hứa Thị H tự nguyện cùng nhau đi đăng ký kết hôn ngày 04/11/2020 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Cao Bằng nay là Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh Cao Bằng. Năm 2021 thì anh chị phát sinh mâu thuẫn do chị H bỏ đi làm công ty ở các tỉnh dưới xuôi không quan tâm đến anh và con. Anh chị đã sống ly thân được khoảng 6 năm nhưng anh vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị H nên không đồng ý ly hôn, Anh chỉ đồng ý ly hôn với chị H khi chị H trả tiền sính lễ cho gia đình anh, sính lễ gồm gà, gạo, thịt, tiền mặt, vàng với tổng số tiền 84.500.000 đồng.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là: Phùng Khánh D1, sinh ngày 14/11/2019. Hiện nay con chung đang sống với anh, anh nhất trí với đề nghị của chị H, anh sẽ nuôi con, chị H sẽ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Ngày 02/6/2026, Toà án nhân dân khu vực 5 – Cao Bằng đã xác minh tại địa phương, kết quả, Ủy ban nhân dân xã L cho biết: Chị H và anh D đều có đăng ký thường trú tại N, xã L, tỉnh Cao Bằng, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L ngày 04/11/2020; Sau khi kết hôn anh chị cùng đi làm công nhân tại công ty ở các tỉnh dưới xuôi. Năm 2021 anh D trở về địa phương, tính đến nay anh chị đã ly thân được khoảng 4 năm. Chị H có yêu cầu giải quyết ly hôn, đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật; Về con chung: Anh D và Chị H có 01 con chung là: Phùng Khánh D1, sinh ngày 14/11/2019. Hiện nay cháu D1 đang sinh sống với anh D và bố mẹ đẻ của anh D. Trường hợp ly hôn thì nên giao cháu D1 cho anh D nuôi dưỡng để đảm bảo sự ổn định trong sinh hoạt và học tập của cháu D1.

Ngày 08/6/2026, Toà án tiến hành lấy lời khai của ông Phùng Văn K là bố đẻ của anh D, ông K cho biết anh D và chị H được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Năm 2021 chị H đi làm công ty ở các tỉnh dưới xuôi không về nhà, D ở nhà chăm sóc con còn nhỏ và làm các công việc nhà, chị H

có phụ giúp anh D nuôi con. Chị H đã bỏ nhà tính đến nay được khoảng 6 năm. Chị H xin ly hôn với anh D ông cũng đồng ý nhưng đề nghị chị H và gia đình chị H phải trả lại tiền sính lễ gồm gà, gạo, thịt, tiền mặt, vàng với tổng số tiền 84.500.000 đồng. Về con chung: Chị H và anh D ly hôn, ông đề nghị giao con chung cho anh D trực tiếp nuôi, ông và gia đình sẽ hỗ trợ anh D nuôi dưỡng.

Toà án có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân xã L xác nhận tại địa phương có phong tục tập quán, khi ly hôn, nhà gái phải trả lại tiền sính lễ hay không. Công văn số 1433/UBND-VP ngày 16/6/2026 của Ủy ban nhân dân xã L xác nhận: Theo phong tục tập quán tại địa phương, khi ly hôn thì nhà gái không phải trả tiền sính lễ cho nhà trai. Tuy nhiên tại xóm N, xã L khi ly hôn vẫn có trường hợp nhà gái trả lại tiền sính lễ cho nhà trai và do hai bên gia đình nhà trai, nhà gái tự thỏa thuận với nhau.

Toà án yêu cầu các đương sự cung cấp chứng cứ về việc hai bên gia đình có thỏa thuận được với nhau về tiền sính lễ hay không. Hết thời hạn yêu cầu, không có đương sự nào cung cấp bản thỏa thuận.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng về: Thẩm quyền thụ lý vụ án; xác định tư cách tham gia tố tụng; tiếp nhận tài liệu, chứng cứ do đương sự giao nộp; thủ tục cấp, tổng đạt văn bản tố tụng; thời hạn chuẩn bị xét xử; chuyển Quyết định đưa vụ án ra xét xử và hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát đều đúng thời hạn.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a, khoản 3, Điều 4 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 quyết hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a, khoản 5, điểm b, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Hứa Thị H được ly hôn anh Phùng Văn D.

Về con chung: Đề nghị giao cháu Phùng Khánh D1, sinh ngày 14/11/2019 cho anh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu D1 đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.0000 đồng, thời điểm cấp dưỡng từ tháng 6/2026 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu, đề nghị không xem xét.

Về nợ chung: Không có, đề nghị Toà án không xem xét.

Về án phí: Đề nghị buộc chị Hứa Thị H phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí nhân và gia đình sơ thẩm và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Xác nhận chị H đã nộp số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 - Cao Bằng, chị H còn phải nộp thêm 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Hứa Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung với anh Phùng Văn D, anh Phùng Văn D có nơi cư trú tại N, xã L, tỉnh Cao Bằng; Căn cứ vào khoản 1, Điều 28; Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025) vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Cao Bằng.

Nguyên đơn Hứa Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn Phùng Văn D vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do; Căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227; điểm a, b, khoản 1, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hứa Thị H và anh Phùng Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 04/11/2020 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Cao Bằng nay là Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh Cao Bằng nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án, chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn còn anh D không đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử đánh giá như sau: Anh D và chị H thừa nhận 2 bên có mâu thuẫn, chị H cho rằng anh D ngoại tình, còn anh D cho rằng chị H tự ý bỏ nhà đi. Anh D không cung cấp tài liệu nào, chị H cung cấp bản ảnh và phô tô tin nhắn, anh D phủ nhận bản ảnh và các tin nhắn chị H gửi Tòa án. Xét chứng cứ chị H giao nộp không phải bản chính, phô tô không có công chứng chứng thực hợp pháp nên Hội đồng xét xử không sử dụng là tài liệu chứng cứ của vụ án. Tuy nhiên, anh D và chị H thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn và đã sống ly thân được khoảng 6 năm, điều này cũng phù hợp với kết quả xác minh tại địa phương về việc anh chị có mâu thuẫn và đã sống ly thân. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định, hôn nhân giữa anh D và Chị H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 3, Điều 4 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 quyết hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình, chị H có yêu cầu xin ly hôn với anh D là có cơ sở, được chấp nhận.

Anh D có ý kiến chỉ đồng ý ly hôn với chị H nếu chị H trả lại tiền sinh lễ với tổng số tiền 84.500.000 đồng, đây không phải yêu cầu phản tố chỉ là ý kiến của anh D không đồng ý ly hôn với chị H. Tại phiên tòa giải quyết chị H có ý kiến tự nguyện trả cho anh D 01 chỉ vàng tương đương với trị giá hiện tại là 14.500.000 đồng nhưng

đơn xin xét xử vắng mặt chị H trình bày không đồng ý trả tiền sính lễ cho anh D nên Toà án không có căn cứ ghi nhận sự tự nguyện của chị H trả tiền sính lễ 14.500.000 đồng cho anh D. Chính quyền địa phương xác nhận, địa phương không có phong tục nhà gái trả lại tiền sính lễ cho nhà trai. Tại xóm N nhà gái và nhà trai thoả thuận trả lại tiền sính lễ, Toà án yêu cầu đương sự cung cấp biên bản thoả thuận nhưng các đương sự không thoả thuận được với nhau về trả tiền sính lễ gửi cho Toà án nên Toà án không xem xét.

[3] Về con chung: Chị H và anh D có Anh chị có 01 con chung là: Phùng Khánh D1, sinh ngày 14/11/2019. Hiện nay con chung đang sống với anh D. Tại các phiên hoà giải anh D và chị H thoả thuận giao con chung cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Trước phiên toà, chị H và anh D đã thoả thuận được với nhau về cấp dưỡng nuôi con, chị H sẽ cấp dưỡng nuôi cháu D1 mỗi tháng 1.000.000 đồng, thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 6/2026 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu chia tài sản chung, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Không có, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Toà án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H, căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, chị Hứa Thị H phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí nhân và gia đình sơ thẩm, anh Phùng Văn D không phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trước phiên toà, chị H và anh D đã thoả thuận được về cấp dưỡng nuôi con nên chị H phải chịu án phí cấp dưỡng với số tiền là 150.000 đồng theo quy định tại điểm b, khoản 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Tổng số tiền án phí dân sự sơ thẩm chị H phải nộp là 450.000 đồng để nộp và Ngân sách nhà nước.

Xác nhận, Chị H đã nộp số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 - Cao Bằng theo biên lai số 00000304 ngày 11/5/2026. Chị H còn phải nộp số tiền 150.000 đồng để nộp và Ngân sách nhà nước.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng sự.

[10] Các đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà về quan hệ hôn nhân, nuôi con chung, án phí ly hôn đều phù hợp với các nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 56; Điều 58; khoản 2, Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và đình năm 2014.

Khoản 1, Điều 28; Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; điểm a, b, khoản 1, Điều 238; khoản 4, Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tụng sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Điểm a, khoản 3, Điều 4 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 quyết hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

Điểm a, khoản 5, điểm b, khoản 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Hứa Thị H về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn” đối với anh Phùng Văn D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hứa Thị H được ly hôn với anh Phùng Văn D.
2. Về con chung: Giao cháu Phùng Khánh D1, sinh ngày 14/11/2019 cho anh Phùng Văn D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu D1 đủ 18 tuổi.
3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Hứa Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Phùng Khánh D1 mỗi tháng 1.000.000 đồng, thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 6/2026 cho đến khi cháu D1 đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, đương sự có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

4. Án phí: Chị Hứa Thị H phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí nhân và gia đình sơ thẩm và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Tổng số tiền án phí dân sự sơ thẩm chị H phải nộp là 450.000 đồng . Đối trừ với số tiền 300.000 đồng chị H đã nộp tạm ứng án phí tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 - Cao Bằng theo biên lai số 0000304 ngày 11/5/2026. Chị H còn phải nộp số tiền

150.000 đồng án phí để nộp và Ngân sách nhà nước.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND khu vực 5 – Cao Bằng;
- Các đương sự;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 - Cao Bằng;
- UBND xã LB;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Hoàng Thị Kim